TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH Đ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 546/2023/HS-ST
Ngày: 29/9/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị B
Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Nguyễn Thị Ngọc H
Ông: Trần Hữu H

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu L- Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ *tham gia phiên tòa:* Ông Võ Hồng T- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 543/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 551/2023/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 9 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Chí T**, tên gọi khác: Không, sinh năm: 2003; giới tính: Nam; nơi sinh tại tỉnh C.

Nơi cư trú: tổ 20, khu phố 8, phường L, thành phố B, tỉnh Đ. Dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: không.

Con ông Nguyễn Văn M, năm sinh 1976 (đã chết); Con bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 (còn sống); Bị cáo là con thứ hai trong gia đình chưa có vợ con.

Tiền án, Tiền sự: không.

Bị bắt, tạm giữ ngày 24/5/2023, chuyển tạm giam theo lệnh số 896 ngày 31/5/2023 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố B. (bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Anh Nguyễn Văn S, sinh năm: 2001.Địa chỉ: tổ 3, thôn T xã T, thành phố P, tỉnh B. Địa chỉ hiện tại: tổ 17, khu phố 8A, phường l, thành phố B, tỉnh Đ (vắng tại phiên tòa).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 2005. Địa chỉ:Ấp 10, xã H, huyện G, tỉnh B (vắng mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng: Hoàng Văn Đ, sinh năm 1991. Địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết nên anh Nguyễn Văn S, ngụ tại tổ 3, thôn T, xã T, thành phố P, tỉnh B rủ Nguyễn Chí T đến chơi tại phòng trọ của anh Sang ở tổ 17, khu phố 8A, phường L, thành phố B thì T đồng ý. Khoảng 17 giờ ngày 13/5/2023, T đón xe ôm công nghệ (Grab) đi đến khu công nghiệp Amata thuộc thành phố B thì được anh S điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 86C2-094.48 đến đón chở về phòng trọ. Trên đường đi, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh S để đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Thực hiện ý định trên, khi đang ở phòng trọ của anh S thì T giả vờ hỏi mượn xe mô tô của anh S để đi mua thức ăn, để anh S tin tưởng thì T đã đưa cho anh S giữ 02 (hai) lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng có mặt đá màu đen (đều là vàng giả) mà T mua được trên mạng. Do tin tưởng T nên S đã đồng ý cho T mượn xe mô tô hiệu Honda Vario, biển sô 86C2-094.48. Sau khi lấy được xe, T đã điều khiển xe chạy đến tiệm cầm đồ "Phan N" tại xã A, huyện L, tỉnh Đ của anh Hoàng Văn Đ làm chủ để bán xe nhưng do T không có giấy chứng nhận đăng ký xe nên anh Đ không đồng ý mua xe. Lúc này, anh Đ biết anh Nguyễn Minh T ngụ tại ấp 5, xã A, huyện L, tỉnh Đ có nhu cầu mua xe mô tô nên anh Đ đã cho anh T số điện thoại của T để anh T liên hệ. Sau đó anh T đã gọi điện thoại liên hệ với T rồi T điều khiển xe mô tô của anh S đến quán "cà phê 168" tại ấp 5, xã A, huyện L để bán xe cho anh T. Tại đây, T nói anh T đưa trước 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) và khi T đưa giấy tờ xe sẽ đưa thêm 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) thì anh T đồng ý. Sau khi bán xe mô tô của anh S thì T bỏ đi và đã sử dụng hết số tiền bấn xe. Do không liên lạc được với T và phát hiện số trang sức T đưa là vàng giả nên anh S đến Công an phường L trình báo sự việc. Đến ngày 23/5/3023, anh S đi công việc tại khu vực xã P, huyện B, tỉnh B thì phát hiện T đang đi trên đường nên S đã giữ Tài lại và báo Công an phường L, thành phố B đưa T về làm việc và lập hồ sơ chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án:

-01 (một) xe mô tô biển số 86C2-094.48 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã thu hồi và trả lại cho anh Nguyễn Văn S.

-02 (hai) lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, có mặt đá màu đen là công cụ Nguyễn Chí T sử dụng vào việc phạm tội.

Về dân sự:

-Anh Nguyễn Văn S đã được gia đình Nguyễn Chí T bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên không yêu cầu gì khác.

-Anh Nguyễn Minh T đã được gia đình Nguyễn Chí T bồi thường số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) nên không yêu cầu gì khác.

Tại bản kết luận định giá số 276/KL-HĐ ĐGTS ngày 26/5/2023, của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: "01 (một) xe mô tô biển số 86C2-094.48 trị giá 52.110.000đồng (Năm mươi hai triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Tại bản kết luận định giá số 4348/KL-KT-HS ngày 03/8/2023, của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh kết luận: "02 (hai) lắc đeo tay bằng

kim loại màu vàng; 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, có mặt đá màu đen có thành phần kim loại chủ yếu là Đồng (Cu)".

Đối với anh Nguyễn Minh T đã mua xe mô tô biển số 86C2-094.48 nhưng không biết là tai sản do Nguyễn Chí T phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý hình sự.

Cáo trạng số 508/CT-VKSBH ngày 31/8/2023 Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ đã truy tố bị cáo Nguyễn Chí T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đ giữ nguyên cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Chí T. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 (sáu) tháng về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Vật chứng của vụ án:

-01 (một) xe mô tô biển số 86C2-094.48 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã thu hồi và trả lại cho anh Nguyễn Văn S.

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, có mặt đá màu đen là công cụ Ngyễn Chí T sử dụng vào việc phạm tội.

Về dân sự:

-Anh Nguyễn Văn S đã được gia đình Nguyễn Chí T bồi thường số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nên không yêu cầu gì khác.

-Anh Nguyễn Minh T đã được gia đình Nguyễn Chí T bồi thường số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) nên không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Chí T đã thừa nhận: Ngày 13/5/2023, Nguyễn Chí T đã dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt 01 (một) xe mô tô hiệu Honda Vario, biển số 86C2-094.48 trị giá 52.110.000 đồng (Năm mươi hai triệu, một trăm, mười nghìn đồng) của anh Nguyễn Văn S thì bị bắt giữ để điều tra, xử lý.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Hành vi phạm tội của bị cáo T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017) đúng như Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài

sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo ý thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng với bản chất tham lam, lười lao động vẫn cố tình thực hiện là thể hiện sự coi thường và bất chấp pháp luật. Do vậy, cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội bị cáo thực hiện, nhằm cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người tốt, cũng để răn đe và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tự nguyện bồi thường thiệt hai, khắc phục hậu quả quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không

*Về vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, có mặt đá màu đen là công cụ Ngyễn Chí T sử dụng vào việc phạm tội.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 28/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Chí T phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật hình sự; Điều 106, 135, 136, 327, 331, 333 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017); Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2023.

Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

- Tịch thu tiêu hủy 02 (hai) lắc đeo tay bằng kim loại màu vàng; 01 (một) nhẫn đeo tay bằng kim loại màu vàng, có mặt đá màu đen là công cụ Ngyễn Chí T sử dụng vào việc phạm tội.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 18/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Về dân sự: không

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Chí T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Chí T, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại anh Nguyễn Văn S; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Minh T vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ

ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-VKSND thành phố B;
-Nhà tạm giữ CA thành phố B;
-Chi cục THADS thành phố B;
-TAND tỉnh Đ;
-VKSND tỉnh Đ;
-Bị cáo;
-Bị hại;
-Người CQLNVLQ;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.

Phạm Thị B